

Bản án số: 167/2023/HN-ST

Ngày: 25-12-2023

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn, nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhắc

2. Bà Trần Thị Sầm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 340/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2023, về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 460/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Đặng K, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: khu phố 1, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bà T có mặt, ông Đặng K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25/9/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

1. Về hôn nhân: Bà xin ly hôn với ông Đặng K. Lý do: Bà và ông Đặng K do tìm hiểu tự nguyện sống chung năm 1995, tuy nhiên cả hai không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu có hạnh phúc, cuộc sống hòa thuận. Nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Đặng K thường hay ghen tuông vô cớ, cự cãi lời qua tiếng lại và đánh bà. Bà và ông Đặng K không còn sống chung từ tháng 07/2021 cho đến nay. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên: Đặng Huy K, sinh ngày 10/02/1996, đã trưởng thành, không yêu cầu; Đặng Huy T, sinh ngày 16/5/2008, hiện nay đang sống chung với bà, bà xin trực tiếp nuôi, không yêu cầu ông Đặng K cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

- Bị đơn ông Đặng K vắng mặt, không có lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Đặng K là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn; Con chung: Đặng Huy K, sinh ngày 10/02/1996, đã trưởng thành; Đặng Huy T, sinh ngày 16/5/2008, hiện nay đang sống chung với bà T, để bà T trực tiếp nuôi con là Đặng Huy T, ghi nhận bà T không yêu cầu ông Đặng K cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu; ông Đặng K vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”; Trong đó xác định bà Nguyễn Thị Ngọc T là nguyên đơn, ông Đặng K là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của ông Đặng K, thấy rằng ông Đặng K vắng mặt lần thứ 2, không có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Đặng K là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T, thấy rằng:

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông Đặng K.

Ông Đặng K vắng mặt không lời trình bày.

Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đặng K thấy rằng: Bà T trình bày cùng sống chung với ông Đặng K vào năm 1995, có 02 con chung nhưng không có đăng ký kết hôn với ông Đặng K. Căn cứ Công văn số 515/UBND, ngày 04/10/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn M và Công văn số 16/UBND-TP, ngày 03/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã Đ đều xác định: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và

ông Đặng K không có đăng ký kết hôn. Nay do phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà T có nguyện vọng ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội tuyên bố bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Đặng K không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Đặng Huy K, sinh ngày 10/02/1996, đã trưởng thành, không yêu cầu; Đặng Huy T, sinh ngày 16/5/2008, bà T đề nghị được trực tiếp nuôi và không yêu cầu ông Đặng K cấp dưỡng nuôi con.

Khi thực hiện xác minh, chính quyền địa phương cho biết thông tin: Ông Đặng K có nhà ở khu phố 1, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, sống cùng chị ruột (đã chết) và con trai tên Đặng Quốc D. Thường ngày ông K đi lại giữa nhà và chỗ ở của người vợ sau (tức bà T), hai người không có đăng ký kết hôn, kéo dài khoảng 20 năm nay. Chính quyền địa phương không rõ mâu thuẫn của hai người.

Thấy rằng ông Đặng K vắng mặt, không có ý kiến việc bà T xin trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, con từ nhỏ đến nay sống chung với bà T. Khi được hỏi ý kiến, cháu Thịnh cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, để bà T trực tiếp nuôi con là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông Đặng K cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 15, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày không có, ông Đặng K vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày không có, ông Đặng K vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch, bà T chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

1. Không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Đặng K là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Đặng Huy K, sinh ngày 10/02/1996, đã trưởng thành.

- Đặng Huy T, sinh ngày 16/5/2008, bà Nguyễn Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu ông Đặng K cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 15, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày không có, ông Đặng K vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày không có, ông Đặng K vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001137 ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng